

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51** /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2017

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan Phụng

Bà Dương Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 277/2017/TLST-HNGĐ ngày 23/6/2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Kiều Thị Thu T**, sinh năm 1988; nơi cư trú: số 274 ấp X, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn:* anh **Võ Trần Hoàng M**, sinh năm 1989; nơi cư trú: 65A, ấp A, xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2017, trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị T trình bày:

Chị và anh M kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Phú huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hai vợ chồng không có sự thông cảm với

nhau nên chị đã dẫn con về gia đình ruột chị sinh sống từ đầu năm 2017 đến nay. Chị và chồng chị cũng đã ly thân từ đó. Trước Tòa chị xin được ly hôn.

Về con chung: có 01 cháu tên Võ Kiều M, sinh ngày 03/10/2013. Cháu đang sống với chị. Chị xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh M trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Chị T bỏ về nhà nhiều lần, lần cuối là từ đầu năm 2017 đến nay. Trước Tòa anh M cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 cháu tên Võ Kiều M, sinh ngày 03/10/2013. Do vợ anh không chăm sóc tốt cho con nên anh xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có:

Về nợ chung: không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm: Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung, ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Ngày 12/6/2017 chị T có đơn xin ly hôn với anh M, hiện anh M đang sinh sống tại xã Sơn Đông thành phố Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo qui định tại các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Kiều Thị Thu T và anh Võ Trần Hoàng M kết hôn vào năm 2012 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Phú huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, hôn nhân do cả hai tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về nhiều mặt, hai bên không có sự cảm

thông với nhau. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Tại Tòa chị T xin được ly hôn, anh M cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa hai anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận việc thuận tình ly hôn của hai anh chị.

[3] Về con chung: có 01 cháu tên Võ Kiều M, sinh ngày 03/10/2013. Cả anh M và chị T đều xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Yêu cầu chính đáng của hai anh chị là phù hợp với qui định của pháp luật. Tuy nhiên cháu M T là nữ, hiện đang sống với chị T, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý của trẻ,... Hội đồng xét xử giao cho chị T được tiếp tục nuôi cháu M.

[4] Về tài sản chung: không có

[5] Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 228, 235 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Kiều Thị Thu T, cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Kiều Thị Thu T và anh Võ Trần Hoàng M.

- *Về con chung*: Chị T được quyền tiếp tục nuôi cháu Võ Kiều M, sinh ngày 03/10/2013.

Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một trong các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có
- Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Kiều Thị Thu T phải nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010958 ngày 20/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND xã Lương Phú, h Giồng Trôm, Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Duy Phong